

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI****BỘ TÀI CHÍNH - BỘ  
LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: 08/2006/TTLT-BTC-  
BLĐTBXH*Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2006***THÔNG TƯ LIÊN TỊCH****Hướng dẫn kinh phí thực hiện Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005 - 2010”**

Căn cứ Quyết định số 65/2005/QĐ-TTg ngày 25/3/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Chăm sóc trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em tàn tật nặng, trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học và trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005 - 2010” (sau đây gọi tắt là Đề án “Chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn dựa vào cộng đồng giai đoạn 2005 - 2010”).

Sau khi có ý kiến tham gia của Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em; liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn kinh phí thực hiện Đề án như sau:

**I. ĐỐI TƯỢNG TRỢ GIÚP CỦA ĐỀ ÁN**

Các đối tượng trẻ em được trợ giúp theo quy định tại Thông tư này là trẻ em dưới 16 tuổi, bao gồm:

1. Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ em bị bỏ rơi: Theo quy định tại điểm 1, mục 1, phần A Thông tư số 18/2000/TT-BLĐTBXH ngày 28/7/2000 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 07/2000/NĐ-CP ngày 09/3/2000 của Chính phủ về chính sách cứu trợ xã hội.

2. Trẻ em tàn tật nặng: Là trẻ em bị khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho sinh hoạt, học tập và lao động gặp nhiều khó khăn.

3. Trẻ em là nạn nhân của chất độc hóa học: Là trẻ em bị dị dạng, dị tật do hậu quả chất độc hóa học.

4. Trẻ em nhiễm HIV/AIDS: Là trẻ em đã được cơ quan y tế có thẩm quyền kết luận bị nhiễm HIV/AIDS.

## II. NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân và cán bộ:

- Chi công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo chí): Mức chi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi xây dựng, sản xuất, nhân bản và phát hành các loại sản phẩm truyền thông để cung cấp cho địa phương: Mức chi tính theo sản phẩm thực hiện.

- Chi tổ chức các cuộc thi tuyên truyền về trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi giải thưởng cho các cuộc thi viết bài về trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Mức thưởng: Loại A: 300.000 đồng/bài; loại B: 200.000 đồng/bài; loại C: 100.000 đồng/bài.

2. Hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn học nghề, việc làm:

a) Hỗ trợ học nghề: Trẻ em đủ 13 tuổi trở lên là đối tượng của đề án này có đủ sức khỏe và có nhu cầu học nghề được cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội giới thiệu đến các cơ sở dạy nghề để học nghề ngắn hạn, được hỗ trợ kinh phí học nghề một lần. Thời gian theo số tháng thực tế đào tạo của từng nghề nhưng tổng thời gian đào tạo không quá 4 tháng, với mức tối thiểu như sau:

- Hỗ trợ cơ sở dạy nghề có trẻ em thuộc đối tượng của Đề án vào học nghề: 300.000 đồng/em/tháng.

- Hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại của trẻ em: 240.000 đồng/em/tháng.

b) Hỗ trợ một lần đối với đối tượng tự giải quyết việc làm sau học nghề: Mức tối thiểu là 1.000.000 đồng/em.

Mức hỗ trợ học nghề và giải quyết việc làm cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo đề nghị của Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu.

3. Thí điểm chuyển trẻ em đang nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước về cộng đồng thông qua hình thức gia đình hoặc cá nhân nhận nuôi dưỡng, nhận đỡ đầu, nhận con nuôi và chăm sóc tại nhà xã hội:

Trẻ em từ cơ sở Bảo trợ xã hội về gia đình của trẻ hoặc cộng đồng thông qua hình thức gia đình hoặc cá nhân nhận nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 10/2004/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 28/6/2004 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 38/2004/QĐ-TTg ngày 17/3/2004 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

- Mức hỗ trợ tối thiểu là 200.000 đồng/tháng/em.
- Đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi được hỗ trợ mức tối thiểu là 270.000 đồng/tháng/em.

Hỗ trợ một lần cho các cơ sở bảo trợ xã hội thực hiện thí điểm chuyển trẻ em về cộng đồng mức tối đa 500.000 đồng/em để chi cho việc đi lại vận động gia đình cá nhân nhận nuôi, hướng dẫn cách chăm sóc và mua quà cho trẻ.

4. Xây dựng mô hình điểm nhà xã hội chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở cấp xã:

Tùy theo yêu cầu, điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách địa phương Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án thí điểm mô hình “Nhà xã hội” giai đoạn 2005 - 2007 (sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và nhân rộng mô hình ở giai đoạn 2008 - 2010; triển khai phù hợp với từng địa phương theo quy định của Đề án.

a) Chi xây dựng, sửa chữa nhà xã hội:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ xây dựng mô hình “Nhà xã hội” trong thời gian triển khai thí điểm giai đoạn 2005 - 2007 (bố trí trong dự toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) tối đa 200.000.000 đồng/nhà/tỉnh, thành phố, bao gồm:

- + Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nâng cấp nhà xã hội.
- + Chi mua sắm giường, tủ, ti vi và đồ dùng, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết cho trẻ.

- Ngân sách địa phương hỗ trợ theo Quyết định phê duyệt Đề án thí điểm mô hình “Nhà xã hội” của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Nguồn kinh phí nuôi dưỡng trẻ em trong “Nhà xã hội” gồm:

+ Vận động các tổ chức đoàn thể, doanh nghiệp và các cá nhân trong và ngoài nước;

+ Ngân sách địa phương hỗ trợ tối thiểu 200.000 đồng/em/tháng.

c) Trẻ em trong nhà xã hội được hưởng chính sách trợ giúp giáo dục, y tế theo quy định hiện hành của Nhà nước như đối với trẻ em được nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội.

d) Chi cho cán bộ kiêm nhiệm, tình nguyện viên quản lý mô hình “Nhà xã hội” từ nguồn ngân sách địa phương.

5. Thí điểm chuyển đổi phương thức chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong các cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước sang mô hình “gia đình quy mô nhỏ” ở cơ sở bảo trợ xã hội tập trung:

Nội dung chi và mức chi của mô hình “gia đình quy mô nhỏ” do Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thực hiện thí điểm giai đoạn 2005 - 2007 và nhân rộng mô hình ở giai đoạn 2008 - 2010; triển khai phù hợp với từng địa phương theo quy định của Đề án.

6. Tập huấn cán bộ làm công tác chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và kiểm tra, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện các nội dung hoạt động của Đề án.

Mức chi áp dụng theo quy định tại Thông tư số 118/2004/TT-BTC ngày 08/12/2004 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước.

### III. THỦ TỤC HỒ SƠ GIẢI QUYẾT HỖ TRỢ

Để được nhận các khoản hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này, gia đình có trẻ em, người giám hộ hoặc bản thân trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn phải làm đơn đề nghị. Đơn đề nghị phải có ý kiến xác nhận của trưởng thôn, bản hoặc tổ trưởng dân phố, sau đó gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã để xem xét (Phụ lục 01 đính kèm).

Căn cứ đơn đề nghị của gia đình hoặc bản thân trẻ em, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và có ý kiến đề nghị, sau đó gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội) để giải quyết.

Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội tiến hành xem xét, đối chiếu với hồ sơ trẻ em thuộc phạm vi đề án được giao quản lý, nếu đảm bảo đúng thì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định chi hỗ trợ cho trẻ em.

Riêng đối với trẻ em nhiễm HIV/AIDS, căn cứ hồ sơ trẻ em và giấy xét nghiệm của cơ quan y tế Nhà nước có thẩm quyền, Phòng Nội vụ - Lao động Thương binh và Xã hội làm thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định chi hỗ trợ cho trẻ em theo chế độ quy định.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án theo quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân các địa phương có trách nhiệm lồng ghép nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương thực hiện Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ; dạy nghề cho người tàn tật theo Thông tư số 19/2005/TTLT-LĐTBXH-TC-KHĐT ngày 19/5/2005 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư với nguồn lực của địa phương để thực hiện Đề án.

Việc lập dự toán, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí thực hiện Đề án theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Đối với chính sách trợ cấp xã hội, trợ giúp y tế, giáo dục kết hợp với vận động cộng đồng hỗ trợ và chăm sóc thay thế trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch hoạt động hàng năm tại địa phương, điều phối các hoạt động của Đề án theo đúng nội dung Đề án đã được phê duyệt.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân địa phương; phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện Đề án ở địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

## V. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.
2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời để Liên Bộ nghiên cứu giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Đàm Hữu Đắc**

**KT. BỘ TRƯỞNG**

**BỘ TÀI CHÍNH**  
**THỨ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thị Nhân**

Phụ lục 01

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Ngày..... tháng..... năm 200.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHI HỖ TRỢ TRẺ EM THUỘC QUYẾT ĐỊNH 65**

**Kính gửi:**

Tên tôi là:..... Sinh ngày..... tháng..... năm .....

Nơi sinh:.....

Quê quán: .....

Hiện có hộ khẩu thường trú tại: .....

Có con (có cháu hoặc bản thân) tên là:

Là đối tượng (1)..... hưởng chính sách hỗ trợ

Để giải quyết khó khăn của em, đề nghị các cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết cho em được hưởng khoản chi hỗ trợ của Quyết định 65. Gia đình tôi (hoặc em) xin cam kết:

.....  
.....

**Người viết đơn**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Xác nhận của trưởng thôn, bản  
hoặc tổ dân phố**

**Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ CỦA UBND XÃ.....**

09698764  
\* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com  
LawSoft

**Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ CỦA PHÒNG NỘI VỤ - LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI (CẤP HUYỆN)**

Đề nghị chi hỗ trợ cho em..... số tiền..... đồng,  
gồm:

.....  
.....

**Thủ trưởng cơ quan**  
(Ký tên, đóng dấu)

*(1): Ghi rõ đối tượng hưởng chính sách*